

Bài 153. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Đáng Được Cung Kính (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 16/01/19

Hôm nay chúng ta học Kinh Tùy Niệm Xứ, tức là sáu pháp tùy niệm: Anussati.

Dịch giả Tàu thì có thông lệ trong dịch thuật. Từ nào thường dùng với nghĩa nào thì sau này gặp chữ đó họ cứ mang ra dùng, trong khi một chữ Pali khi chia ra theo ngữ cảnh có thể có nhiều nghĩa. Nên họ dịch Anussati là “tùy niệm”, nhưng nghĩa chính xác là “thường niệm”, là đề mục người tu Phật nên thường xuyên suy niệm.

Tại sao nên thường niệm những đề mục này? Vì bốn đề mục hộ thân, hành giả tu chỉ, quán, tin Phật, thì mỗi ngày trước khi hành thiền, ngủ, nên niệm: Anurakkhaka kammathana. Niệm Phật, nhớ nghĩ đến Phật, đến cái chết, thân bất tịnh và từ bi quán, là rải tâm từ bi lân mẫn cho vô lượng chúng sinh.

Không phân biệt phương hướng, chủng loại, không hạn chế ranh giới, giới tuyến, không phân biệt, gọi là bốn đề mục hộ thân: niệm Phật, niệm sự chết, bất tịnh quán, từ bi quán.

Ở đây không có nghĩa mình niệm cái này như thần chú rồi tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, gia đạo bình yên như ý. Mà niệm bốn cái này, bản thân mình được sự bình tâm, có sự hộ trì của chư thiên, do các chúng sinh sống quanh mình cũng thương mến mình. Kể cả các loài thú dữ, nếu mình không bị trọng nghiệp và với tâm từ bi đúng mức, mình có thể chiêu mộ, cảm hóa được.

Hộ thân ở đây là bản thân mình có sự bình tâm trước. Đừng trông đợi chuyện gì đó từ bên ngoài, kéo có lúc thất vọng. Rồi hỏi: sao niệm mà răn vẫn cắn, cọp vẫn rượt? Thì có thể do trọng nghiệp, do oan trái, do từ tâm chưa đủ, hoặc do thực phẩm mình ăn vào...

Nên trong kinh nói tỳ-kheo, người tu tập, không kén chọn chay hay mặn. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ăn mặn thì sẽ có mùi mồ hôi không thân thiện với nhiều loài

chúng sinh. Ví dụ với thú dữ hay một số loài phi nhân, họ không hoan hỷ. Chú giải Kinh Trường Bộ, Atanatiya Sutta.

Phải nói ra luôn cái gốc như vậy.

Quay lại với sáu đề mục thường niệm: Phật, Pháp, Tăng, thí, giới, thiên. Nhiều người thấy lạ là sao Bắc tông, nhất là bên Tịnh Độ, họ coi trọng việc niệm Phật, mà sao bên Nam Tông lại coi trọng Tứ Niệm Xứ, niệm hơi thở. Phải nói rõ là do không chịu học giáo lý.

Niệm Phật theo kinh điển truyền thống, đặc biệt là theo dẫn giải của bộ Thanh Tịnh Đạo, thì là cả một pháp môn thâm sâu ghê gớm, chứ không phải đơn giản là réo tên, tuyên xưng Phật hiệu, hồng danh Phật ngoài miệng. Mỗi hồng danh của Đức Thế Tôn, Pháp Bảo, Tăng Bảo đều cần phải suy ngẫm ý nghĩa. Cái này chúng tôi đã giải thích rồi, bà con xem lại trong quyển Thanh Tịnh Đạo, phần hai, Định.

Niệm Phật là hiểu từng ý nghĩa mỗi hồng danh. Ví dụ như “Phật” là người thức dậy từ giấc ngủ vô minh, không còn tiếp tục chiêm bao, mộng mị, hoang tưởng, vọng tưởng điên đảo mộng tưởng, ngộ nhận nữa.

“Chánh Đăng Chánh Giác” là tự mình giác ngộ, Sambuddho, mà còn samma là hoàn toàn viên mãn, toàn hảo, toàn tập, toàn bộ, triệt để. Phật Độc Giác cũng là vị tự ngộ, nhưng không viên mãn rốt ráo. Ngài ấy chỉ thấy ra rõ ràng con đường dẫn đến sanh tử, giải thoát. Chỉ vậy thôi. Còn những chuyện ngoài ra thuộc về thế trí, vị Độc Giác có hạn chế.

Còn vị Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác thì samma nghĩa là hoàn hảo, viên dung, không sót một cái gì. Điều gì Ngài cũng biết: đạo giải thoát, con đường dẫn đến sanh tử, hội nhập ba giới, bốn loài, năm thú, sáu đạo, những chuyện thế tục của đời, những gì chúng sanh thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, Ngài biết hết. Kinh Trung Bộ nói như vậy.

Chữ “Chánh Đẳng Chánh Giác” là như vậy. Samma Sambuddho là Tự Ngộ Hoàn Mãn Cụ Túc.

“Thiện Thệ”: đi trên con đường parami tốt đẹp dẫn đến Phật đạo. Khi thành Phật rồi thì chỗ mà Ngài sẽ tới chính là Nibbana. Ngài đi trên con đường đẹp tới một chỗ đẹp. “Thệ” là đi mà không quay về, là giải thoát.

“Thế Gian Giải”: cái gì trong thế gian này Ngài cũng biết hết, không sót điều gì.

“Vô Thượng Sĩ”: không ai trên Ngài hết. Chư Phật là bằng nhau, không hơn hay kém nhau, tuy là có thể có những nét khác biệt do khác nhau về quá trình tu tập. Thời kỳ hóa độ và xuất hiện có thân tướng lớn nhỏ khác nhau một chút, nhưng 80 tướng phụ, 32 tướng tốt, toàn bộ Phật trí, đạo nghiệp, đức hạnh, cõi tâm linh chư Phật ba đời mười phương thì giống nhau như hai giọt nước.

Các vị Phật đều có 32 hảo tướng, nhưng nét mặt mỗi vị khác nhau. Có thể hình dung như các hoa hậu, tài tử, minh tinh, người đẹp trai thì nhiều, nhưng không có cái đẹp nào giống nhau. Do tâm tư các Ngài khi hành thiện parami để chứng Phật không giống nhau, gương mặt các vị Phật không giống nhau. Nhiều khi nói các cặp song sinh giống nhau, nhưng thực ra nhìn sơ thì giống, nhìn kỹ sẽ thấy có nét khác.

“Thiên Nhân Sư”: làm thầy trời và người. Các vị Phật Độc Giác bằng nhau, cũng là bậc cao nhất trong tam giới, nhưng không làm thầy dạy người khác được. Ngài ấy tự mình giải thoát, nhưng để thấu suốt căn cơ, cơ tánh của ba giới, bốn loài, từng chúng sinh, biết rõ chúng sinh nào đã tu tập đến đâu, thiện ác thế nào, nói gì cho hợp với họ thì Phật Độc Giác không làm được.

Ngài Sariputta là đệ nhất trí tuệ, nhưng cũng rất chừng mực, hạn chế trong việc thấu suốt tâm lý chúng sinh. Về khoản này thì chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác vô song, vô thượng, không ai bằng. Các Ngài có thể thấu suốt một chúng sinh từ đâu đến, tu hành vô lượng kiếp như thế nào, nói gì cho hợp với người đó.

Còn Ngài Sariputta, Phật Độc Giác nhìn một người, biết cách đây 3.000 đại kiếp họ tu làm sao, thích Abhidhamma hay Luật hay Kinh, Ngài biết hết. Nhưng trong số các thiện căn trùng trùng ấy, nói gì cho hợp thì không làm được. Cũng chỉ là may rủi. Biết người này thích Kinh, Luật, hay Luận, giáo lý duyên khởi..., nhưng để chọn đúng cái mà bắt đầu, mà giảng cho họ chứng đắc thì gặp khó.

Đức Phật Toàn Giác thì không gặp chuyện hạn chế đó. Nên gọi Phật Toàn Giác là Thiên Nhân Sư. Không có người nào mà Ngài không biết.

“Thế Tôn”, Bhagava: Cụ Thoại Đức Giả, người có đủ đức lành và phước lành. Không có gì trên đời mà hay, tốt, đẹp mà Đức Phật không có, về nhân lành lẫn quả lành.

Nhân lành, parami, bố thí, trì giới, kham nhẫn, thiền định... thì Ngài đã tu quá lâu rồi, không ai sánh bằng chư Phật về nhân lành. Chính vì vô địch trong nhân lành nên vô thượng trong quả lành.

Ví dụ nói Ngài Sivali là đệ nhất tài lộc, Ngài Sariputta là đệ nhất trí tuệ, Ngài Kassapa là đệ nhất đầu đà, Ngài Ananda là đệ nhất đa văn... Tất cả những đệ nhất ấy, so với Đức Thế Tôn thì chỉ là một phần rất nhỏ.

Trong kinh nói, chỉ trừ ra một vài lần đặc biệt do nghiệp xấu quá khứ mà Thế Tôn phải trải qua phút giây hơi thiếu thốn, như nhập hạ ở nơi có sự cúng dường không đầy đủ, hoặc có những buổi đi độ sinh mà Ngài ăn những món hơi khó nuốt; còn lại thì không ai được như Ngài.

Từ lúc thành đạo dưới gốc Bồ Đề đến khi Nibbana, trong từng bữa ăn, chư thiên đều quan tâm và cúng dường thiên thực đến Ngài, dù mắt thường không thấy. Nên nói rằng Ngài là đấng có đủ đức lành và phước lành: Bhagavā, là người có phần, có phúc không ai bằng. Nếu dịch chữ Thế Tôn thì chưa chính xác, không nói hết nghĩa của từ Bhagavā.

Đó là niệm Phật.

Niệm xa hơn nữa là vì sao Thế Tôn có đủ những phẩm chất đó. Là do Ngài có lòng đại bi, thương xót muôn loài. Không muốn sớm giải thoát mà muốn tu tập Parami đủ để thành Phật, tế độ muôn loài. Khi có đại bi thì nghĩ ra cách thể hiện lòng đại bi ấy: đại trí.

Chính vì đại bi và đại trí ấy, trải qua vô lượng kiếp, nhân vật, cách như chúng ta được thấy, vị thành tựu các hồng danh như vậy, không phải là mỹ hiệu, cái danh gọi cho vui, mà chính là đức lành của một vị Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi niệm tưởng về Đức Thế Tôn là niệm tưởng như vậy. Là đấng cái gì cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có. Chứ không phải niệm Phật như một ông thần ban phước tha tội là sai. Phật là đấng mà mình tưởng niệm để mình bắt chước học hỏi, chứ không phải là một đối tượng siêu nhiên huyền hoặc để mình kính sợ, nhờ cậy, thờ cúng cách vô lối.

Niệm Pháp

Niệm Pháp là suy tưởng về những khía cạnh đức lành của Phật Pháp, Giáo Pháp.

Phật Pháp, Giáo Pháp không phải là những tác phẩm mà chư Phật tạo ra, mà từ muôn thuở muôn đời là nguyên tắc, luật của vũ trụ: nếu tu tập đúng theo Bát Chánh Đạo thì sẽ được giải thoát Nibbana; tu sai Bát Chánh Đạo thì không giải thoát được. Chư Phật là bậc phát hiện ra quy luật ấy.

Khi niệm ân đức Pháp là mình niệm những khía cạnh, nguyên tắc trong lời dạy của Phật, ví dụ như Phật Pháp, Giáo Pháp được chư Phật khéo thuyết giảng.

Khéo là sao? Là chính vì Phật trí các Ngài thấy rõ căn cơ của chúng sanh, nói điều hợp lý. Các Ngài không nói dư, thiếu, chỉ nói đúng yếu điểm chúng sinh để họ đắc chứng dễ dàng, mau chóng, hiệu quả. Khéo nói.

Nội dung Giáo Pháp chư Phật đòi hỏi chúng ta phải tự mình tu chứng, thể nghiệm, không ai tu giùm được. San là Saka, là Sayam, là tự mình. Chư Phật ra đời có thuyết

giảng thế nào đi nữa, một vị Thanh Văn muốn đắc đạo thì phải tự tu tập trước đó nhiều đời.

Chư Phật ra đời như gà mẹ mổ giúp gà con cái trứng để gà con nở ra. Bản thân con gà con cũng phải đủ ngày, tháng, lực để nở. Còn nếu chưa đủ ngày tháng để nở thì gà mẹ có mổ giúp cũng không được. Ví dụ đây là trong kinh nói.

Sanditthiko là mỗi người phải nỗ lực tự thân. Chư Phật chỉ hỗ trợ chứ không làm thay hay đạo diễn toàn bộ cho một người vô duyên, vô phúc, vô trí, vô hạnh đắc chứng giải thoát là không được. Các Ngài chỉ hỗ trợ, chỉ lối dẫn đường cho mình.

Akaliko

Akaliko là gì?

Là thời gian chứng đạo nhanh ngoài sức tưởng tượng của mình. Một người hội đủ duyên lành Parami, chỉ cần sự hiểu thấu được vấn đề: bản chất do duyên và bản chất Tam Tướng: vô thường, khổ, vô ngã.

Mọi hiện hữu có rồi mất đi là vô thường. Mình không muốn nhưng nó vẫn cứ vô thường, là khổ và vô ngã. Khổ ở đây không phải vấn đề cảm giác mà là bản chất bị thúc đẩy. Mình muốn hay không vẫn bị đẩy tới sanh diệt vô thường. Ngay trong đó nó đã ngầm chứa bản chất vô ngã, là không ai sai sử, điều khiển, điều động hết. Vạn pháp cứ theo điều kiện mà có mặt, mất đi.

Thấy được vạn pháp do duyên có rồi phải mất, cho nên ngay khoảnh khắc thấy được bằng Thánh trí của tự thân mình, tâm Thánh Đạo vừa xuất hiện, tâm Thánh Quả tiếp nối theo sau. Đây là điều đặc biệt chỉ có trong đạo giải thoát của chư Phật. Akaliko là như vậy.

Trong khi các chuyện nhân quả báo ứng ở đời, lúc này làm thiện, ác thì lúc khác mới được quả lành, xấu. Còn Thánh Đạo, Quả, khi đủ duyên rồi thì mọi chuyện diễn ra trong tích tắc, trong hai sát na tiếp nối nhau. Sát na trước hiểu rõ Tứ Đế, sát na sau là

Thánh Quả. Ngay trong hai sát na đó, chúng ta từ phàm đến Thánh, đối với vị đắc Sơ Đạo. Ngay trong sát na đó chúng ta cắt đứt chủng tử luân hồi trong, chậm nhất là, kiếp thứ tám. Đặc biệt là như vậy.

Còn nếu đó là Tam Quả A Na Hàm, thì ngay sát na Tam Quả xuất hiện, vị ấy cắt đứt hoàn toàn chủng tử dục giới, không còn quay lui cõi dục. Còn nếu đắc quả Arahant thì vị ấy ngay lúc đó cắt đứt triệt để sanh tử luân hồi, trong một sát na.

Nên gọi Akaliko nghĩa là đạo giải thoát vượt ngoài thời gian. Luân hồi quá chừng lâu, nhưng khi đủ duyên thì chỉ trong một sát na. Theo Abhidhamma thì một sát na là đơn vị thời gian, cũng có nghĩa là một đơn vị tâm lý, pháp. Nó ngắn và nhanh đến mức trong một nháy mắt có hàng triệu sát na sanh diệt.

Nếu mà đủ duyên rồi, dòng sanh tử thăm thăm từ vô thì kết thúc trong một thời gian rất ngắn như vậy. Akaliko vượt khỏi thời gian là chỗ đó.

Opanayiko

Opanayiko là hướng thượng. Opa là đi lên, hướng lên trên; thượng là đi lên. Phật pháp có chức năng đưa người hướng lên trên. Ví dụ mình đủ duyên thì từ phàm đến Thánh; chưa đủ duyên thì hành trì theo lời Phật sẽ đưa mình từ sa đọa đến cảnh giới nhân thiên, từ thấp đến cao.

Ehipassiko

Ehipassiko là thách thức thử nghiệm, càng hành trì càng thấy ra nhiều điều hay. Giáo lý đạo khác họ e ngại chuyện phan phui, mớ xề. Giáo Pháp của chư Phật, mình càng đào xới, mớ xề thì khám phá ra độ sâu và chiều rộng kinh khủng. Một bài kinh Phật dạy đọc đáo ở chỗ có nhiều tầng ý nghĩa sâu thẳm bên trong bài kinh, tùy theo trình độ trí tuệ sâu rộng của mỗi người.

Paccattam veditabbo viññūhi

Paccattam veditabbo viññūhi: Giáo Pháp Phật chỉ dành cho người trí, không dành cho người thiếu trí. Nếu mình cứ cắm đầu hưởng dục, sung sướng, ăn ngon mặc đẹp, tiện nghi đầy đủ, rồi một ngày mình nói đi tu mà lòng hoàn toàn không có khái niệm, nhận thức gì hết thì sẽ không hiểu được lời Phật.

Đạo này chỉ dành cho người có trí, là người biết nhìn ra vấn đề. Có hai cách nhận thức vấn đề.

Một, nhận thức theo ý mình muốn.

Hai, nhận thức vấn đề như nó là. Đây là cách nhận thức của người trí.

Không nên lấy nền tảng văn hóa, sở dục của mình mà nhận thức vấn đề. Có nhiều người thích nhận định bài kinh này, kinh kia theo ý muốn của họ. Ví dụ như bài kinh Phật dạy...

cho ông Cấp Cô Độc.

Trong đó Phật nói: một người cư sĩ bỏ công sức làm ra tài sản một cách hợp pháp, đúng theo đạo, thì họ có quyền hưởng dụng những gì họ tạo ra và lấy một phần trong đó để làm công đức. Đây chính là nếp sống tốt đẹp nhất của người cư sĩ: làm việc kiếm sống cách lương thiện, sử dụng đúng pháp, đúng đạo, lợi mình lợi người.

Nhiều người mê bài này lắm, nghĩ là Phật cho phép mình được quyền sống tung tăng trong năm dục. Không phải vậy. Người thích hưởng dục nghe thì hiểu vậy. Còn người ly dục thì hiểu đây là cách nói dành cho những người khả năng có hạn, chưa thể tiến xa hơn trên đường đạo.

Ví dụ mình thấy người ta thích nấu ăn, mình có thể góp ý gì trong lĩnh vực đó thì góp ý. Trong trường hợp đặc biệt Ngài giảng như vậy, mình nghe lại tưởng là Ngài rất coi nặng chuyện nấu ăn đó. Không phải.

Với người thích học thì khi lên phòng sách Ngài lại giảng chuyện khác như toán, lý, hóa, văn, sử, địa... Khi giảng cho người thích nấu ăn thì Ngài giảng khác, ví dụ như góp ý thêm món này một chút, bớt gia vị kia một chút... Đừng nghe khúc nấu ăn thì lại tưởng Ngài coi trọng, mê chuyện nấu ăn.

Cho nên có hai cách nhận thức vấn đề như nói trên. Đạo này dành cho người trí là chỗ đó.

Ngay khi thành đạo là Ngài thấy đạo này khó trăm bề để chứng đắc và để dạy. Tuy nhiên khó là vậy, nhưng trong thực tế Ngài biết tùy căn cơ mỗi người. Có những chúng sinh con mắt ít bụi, giống đóa sen còn nằm trong bùn; có đóa sen đã ngoi lên khỏi mặt nước, chỉ cần thêm chút duyên là bung nở. Có những đóa sen vĩnh viễn nằm trong bóng đêm. Phật trí vô biên, Phật lực vô cùng, không thể độ người vô duyên.

Nên cái cuối cùng... viññūhi = dành cho người trí tự mình giác ngộ, chứ đạo này không dành cho người tào lao.

Niệm Tăng

Niệm Tăng: có chín hồng danh. Ân đức Tăng Bảo gom gọn lại có ba:

1. Chư Tăng là những vị đi đúng con đường chư Phật đã dạy.
2. Thành tựu trí tuệ giác ngộ gồm bốn Đạo, bốn Quả.
3. Vì tu đúng và thành tựu Thánh trí nên các vị nhận sự lễ bái cúng dường. Không có đối tượng nào xứng đáng được lễ bái cúng dường hơn các vị hiền thánh nói chung.

Trong một số trường hợp đặc biệt thì Phật Bảo được kể chung vào Tăng Bảo, vì bản thân Ngài cũng là một bậc Thánh.

Trong bài Cúng Dường Phân Biệt Kinh có nói rõ: có những trường hợp cúng dường trai Tăng, Sangha dāna, đến chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Có trường hợp không có Đức Phật. Cả hai trường hợp đều được gọi là trai Tăng.

Cho nên Tăng Bảo có nhiều ân đức, mình gom lại có ba:

Tu đúng đường, đúng lời dạy chư Phật.

Nhờ tu đúng nên thành tựu Thánh trí giác ngộ.

Do có Thánh trí giác ngộ nên các Ngài là ruộng phước cho chúng sanh gieo trồng quả lành, công đức trên đó.

Đó là niệm Phật, Pháp, Tăng.

Niệm Thí

Niệm Thí là sao? Là quán tưởng, suy niệm về khả năng buông bỏ, hào sảng, chia sẻ của mình. Dù mình có nghèo thế nào đi nữa thì hoàn toàn vẫn có thể tu đề mục niệm Thí.

Là sao? Dù mình rất nghèo, nhưng khi có khúc bánh mì vẫn sẵn sàng chia đôi, chia ba cho người khác. Tôi luôn sống với tấm lòng hào sảng, không muốn giữ cái gì cho riêng tôi. Tôi sử dụng vật chất cho nhu cầu tối yếu, tối cần, tối thiểu, chứ không có ý thích thú trong việc tích lũy sống đời mà ăn của; mà luôn sẵn sàng, thậm chí tôi ngủ, sẵn sàng tắt đèn cho người khác mượn cái quần ba lỗ của tôi. Sự thật là như vậy, vì tôi đang giúp người nghèo mà.

Nghĩa là nghèo thì vẫn có thể niệm Thí được. Không phải niệm suông, mà thật sự có khả năng đó thì mới niệm. Còn nếu keo kiệt thì không niệm Thí được.

Phải niệm thế này:

1. Phúc thay cho kẻ nào có tấm lòng hào sảng, bàn tay mở rộng để chia sẻ.
2. Phúc thay cho kẻ nào có được cái để chia sẻ.
3. Phúc thay cho kẻ nào luôn luôn có được đối tượng để chia sẻ.

Đối tượng càng tốt, càng cao quý thì càng tốt. Là nói trong ngoặc đơn. Còn trong tinh thần bố thí rất ráo của Phật đạo thì bố thí không phân biệt. Bố thí thì cần tinh thần không phân biệt, nhưng quả báo của việc bố thí thì tùy đối tượng, trường hợp mà quả nhiều, ít. Bố thí cho quả lớn, nhỏ tùy theo đối tượng tập thể hay cá nhân, bậc đức độ hay không đức độ.

Tuy nhiên tấm lòng người bố thí thì không nên phân biệt. Vì sao? Vì bố thí bằng tấm lòng bao la thì quả báo lớn rộng bấy nhiêu. Bố thí bằng tâm phân biệt thì quả báo rất hạn chế.

Ví dụ: khi nấu một nồi cơm trắng để bát cho một nhóm chư Tăng, tu nữ đi bát ngang nhà, lòng không phân biệt, không biết các vị ấy là ai, tu tới đâu. Chỉ biết họ cần thực phẩm để về họ tu. Nấu một nồi cơm trắng không bao nhiêu, ai đi khát thực qua mình cũng cho với tất cả tấm lòng thương quý, kính yêu, công đức lớn hơn khi thỉnh tám mươi vị danh Tăng với tâm phân biệt, bó buộc trong mấy vị danh Tăng này.

Lúc đang cúng dường mà nghe nói có nguyên một nhóm chư Tăng đi bát ngang, mà mình nghĩ là cờ đó đâu có cửa vô đây, phải chờ tầm này mới vô đây được. Tâm bố thí như vậy là chết rồi.

Còn vị thí chủ thứ thiệt thì khi đang cúng cho tám mươi vị danh Tăng mà nghe nói có mấy vị Tăng vô danh đang đi bát ngang qua ngoài đường, họ cũng ra kính mến rước vào. Như vậy mới là thí chủ thứ thiệt.

Nói như vậy không có nghĩa là tôi kêu gọi mọi người đang là đệ tử cao Tăng kiểm tôi để làm phước. Niệm Thí là niệm thấy mình có cái hạnh như vậy thì mới niệm được.

Nếu có lòng keo kiệt hay lòng phân biệt, lựa chọn đối tượng thì khả năng niệm Thí không có. Người giàu nứt vách lâu lâu rước các vị cao Tăng về cúng dường là chuyện bình thường. Cái khó là khi trao ra, tâm không phân biệt mà chỉ do lòng thương, không tính toán mà chỉ nghĩ các vị ấy cần.

Còn nếu một ngày thu nhập hai triệu Việt Nam đồng mà bố thí hơn năm trăm ngàn đồng mình run, dĩ nhiên mình cũng phải tính toán dự phòng, nhưng khi hơi run thì là niệm Thí chưa tới mức. Theo tôi, thí chủ thứ thiệt thì tùy duyên. Nếu gặp trường hợp cần hai triệu thì cúng hết, ngày mai tính khác.

Niệm Thiên

Niệm Thiên: mình xét xem chư thiên các cõi vì đâu được về trên đó. Chắc chắn là do các hạnh lành. Những hạnh lành ấy ta cũng có. Ta tu hành là để cầu đạo giải thoát, không phải cầu sanh thiên. Tuy nhiên so với các vị trời thì ta có đủ tư cách, các hạnh lành để mai này về đó cộng trú với họ.

Phải quán tưởng như vậy. Không phải để thấy mình hay, mà để kịp thời bổ sung những cái thiếu và không để mất những cái đã có. Quán

Như vậy thì các vị như thế nào, mình cũng có cửa để lên với các vị. Khi niệm như vậy, mình mới tách ra khỏi phàm trần ngũ trước ác thế này. Rất an lạc.

Dù mình sống ở những nơi khổ, trong xóm lao động, trong căn nhà tôn thấp tè nóng nực, hai vợ chồng hai cọc vé số đi bán. Nhưng khi mình thấy mình có Tam quy, Ngũ giới, Bát giới, biết giáo lý, có giờ sống chánh niệm, thiền định, hoàn toàn có cửa đi lên. Còn chuyện ông này bà nọ nhà lầu xe hơi ở cõi này chưa chắc sanh thiên. Nghĩ như vậy để mình sống an lạc. Hôm nay kết gửi thân tạm vài bữa, còn chỗ tái sinh về là chỗ khác.

Niệm thiên là như vậy, để hoan hỷ bổ sung những cái chưa có, củng cố, bảo trì những cái đã có, phát triển cái yếu thành mạnh, nhiều. Sống ở đây nhưng lòng nghĩ tưởng cõi thiên.

47:03

Mình biết là tất thảy một cái là khỏe ru. Và bố thí một tỷ, năm, mười tỷ, không bằng tấm lòng của mình sẵn sàng bố thí năm, mười tỷ. Nếu do một hoàn cảnh đặc biệt,

thức ép nào đó mà bố thí, ngoài ra mình không đủ hào sảng bố thí, thì không bằng người ta bố thí bạc lẻ với tấm lòng rộng rãi, sẵn sàng chia sẻ 20%, 30% thu nhập cho người khác. Tức là quan trọng ở tấm lòng hào sảng khi bố thí sẽ cho quả phước tốt hơn.

Chứ dựa vào đây mà người giàu nứt đố đổ vách cho bạc cắc rồi nói là của ít lòng nhiều là không chính xác.

Giảng sáu thường niệm là: một, nghĩ đến những người sơ cơ. Hai, lát nữa sẽ gặp kinh tiếp theo là kinh Mahānāma, cũng giảng về sáu tùy niệm. Trong kinh này có đoạn số một rất quan trọng, Phật dạy:

“Khi nào, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai, thì trong khi ấy tâm không bị phiền não chi phối. Tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahānāma, một vị Thánh đệ tử với tâm như vậy thì được nghĩa tín thọ, Pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến Pháp.”

Trong Chú giải giải thích: Pháp ở chỗ này có nghĩa là Tam Tạng và Chú giải. Nghĩa tín thọ ở đây nói về Chú giải. Pháp tín thọ ở đây là Chánh tạng.

50:52

Nhờ sáu pháp thường niệm này mà hành giả thân lạc tâm an để có thể thực hiện tốt hơn pháp học và pháp hành. Pháp học là nghiên cứu Tam Tạng, Chú giải tốt hơn. Pháp hành là tu Chỉ - Quán, Samatha - Vipassanā, tốt hơn.

Bằng chứng là phải có niềm tin như thế nào đó mới vào room này nghe pháp cả một, hai tiếng. Bản thân tôi cũng phải có niềm tin thế nào đó để hằng ngày đọc Chú giải hướng dẫn cho bà con. Nhiều khi không nhằm buổi giảng thì tôi vẫn nghiên cứu Chú giải, đọc rất thường xuyên. Ví dụ như khi đọc kinh mà thấy có gì ngộ ngộ, hay suy nghĩ thấy cái gì ngộ ngộ chưa rõ là mở Chú giải ra coi. Rất thường xuyên. Phải có

niềm tin tối thiểu như thế nào đó thì mới làm như vậy, sống chìm sâu trong đó. Chứ mới sinh ra thì không biết hết được như vậy để nói cho bà con nghe.

Như vậy, nhờ tin Phật, Pháp, Tăng, tin nơi Tam bảo, tin vào các đức lành, thì ta mới có đủ hứng thú để vui mình trong pháp học, pháp hành. Pháp học là nghiên cứu giáo lý, pháp hành là hành trì Chỉ - Quán. Nên sáu pháp thường niệm này rất quan trọng.

Trong quyển Kinh nghiệm tuệ quán 2, trong đó có mấy phần phụ lục rất quan trọng, ví dụ như làm thế nào để trau dồi Thất giác chi, trong đó có Hỷ giác chi. Nói tu là giữ chánh niệm, định, sẽ có này kia, nhưng giờ làm sao có niệm, định, Thất giác chi? Trong đó có nói rõ làm sao để tránh được năm triền cái. Đặc biệt trong đó có phần nói về 200 khía cạnh Chân đế, rất quan trọng.

Ví dụ từ đây về sau bà con nói rằng tôi có niềm tin, trí tuệ, kham nhẫn, thì phải hiểu đó nghĩa là gì. Trong đó định nghĩa rất rõ, chứ không nói chung chung được.

Cách đây vài ngày tôi dạy học ở Holland, có một người nhờ tôi giải thích chữ vọng tâm, vọng niệm, vọng chấp. Tôi nói trong kiến thức của một người học chemical, thì không có bánh kẹo, xôi chè trong đó.

54:16

Mà trong đó chỉ có những thành phần hóa chất như glucose, acid, protein... Bánh kẹo, xôi chè là những khái niệm bên ngoài phòng lab, ngoài chuyên môn hóa học.

Ở đây cũng vậy, theo kinh Phật thì mình nói chung chung muốn xài chữ gì thì xài, nhưng trong Abhidhamma thì không thể nói chung chung. Vọng tâm, vọng niệm, vọng chấp thì phải hiểu trường hợp nào là thiếu trí tuệ, tà kiến: vọng chấp. Phóng dật, thiếu định: vọng tâm. Thất niệm là thiếu niệm: vọng niệm. Trong Abhidhamma nói rõ như vậy chứ không nói chung chung. Phóng dật là thất niệm, là thiếu định, thiếu chánh niệm.

Mình học giáo lý là phải rõ ràng minh bạch như Toán. Ví dụ như thay vì nói chung chung thì trong giáo lý ghi rõ: sơ thiên là sao, bỏ năm được năm, bỏ năm triển được năm chi thiên... Còn nói chung chung thì thiên là giữ tâm rộng rang không chấp, trụ vào hư không, không vướng kẹt trong sáu trần. Nói như vậy rất mơ hồ, khó thực hành. Khi nắm chắc giáo lý rồi thì rất là căn bản, không còn kẹt trong các con số nữa.

Nhiều người hiểu lầm Abhidhamma, nói là đạo giải thoát là phải nói về tâm. Tâm thì vô tướng vô hình, sao có con số 15, 17, 18, 31, 42? Thấy xa vời với chuyện giải thoát. Nhưng khi học kỹ, cứng rồi, thì sẽ có một ngày anh quên sạch mấy con số này nhưng anh không đi lạc. Còn chưa học đã chê.

Giống như đi học ngoài đời: cộng, trừ, nhân, chia, phương trình, khai căn... Sống chỉ cần cộng, trừ, nhân, chia chứ đâu cần mấy cái kia? Nhưng mà sai! Chính những kiến thức đại số, lượng giác đó sẽ hỗ trợ cho mình vô vàn khía cạnh khác trong đời sống.

57:20

Anh học đi rồi sẽ thấy có một ngày anh quên sạch. Nhưng cái quên sạch của người có học khác với người dốt đặc không biết gì hết. Người nghe ba mớ, hoặc vô chùa nghe thầy mà dốt nói: thôi đừng học mắc công, đừng lo thiên, chỉ lo niệm Phật. Nghe thì sướng vì nó vừa với cái đầu bự của mình. Nhưng tới một lúc mình sẽ thấy dốt giáo lý thì kẹt bốn bề, bốn phía.

Nên ở đây Ngài dạy phải sống miên mật, thiết tha với sáu pháp thường niệm này thì từ đó mới có đủ hứng thú, thấy thú vị trong việc nghiên cứu giáo lý và tu tập Chỉ - Quán. Rất quan trọng.

Trong đây Ngài nói rất rõ, và đặc biệt trong Chú giải nói rất rõ: sáu thường niệm này tuy được gọi là đề mục Samatha nhưng không dẫn đến đắc thiên hay tầng thiên nào hết, chỉ đủ cho cận định. Nhưng với một hành giả Tứ niệm xứ, nếu đắc sơ, nhị, tam, tứ thiên thì tốt. Nhưng trong lúc tu tập họ không cần tới sơ, nhị, tam, tứ thiên, do đắc

những thiền này cần tập trung rốt ráo vào các đề mục đất, nước, lửa, gió... Lúc đó không dùng trí tuệ quán tánh sanh diệt được.

Cho nên lúc tu tập tuệ quán, mình chỉ cần tối đa là cận định là làm việc được rồi.

Sáu thường niệm này mang lại ba lợi lạc:

Một, khả năng định tâm, tập trung tư tưởng, vì là đề mục Samatha.

Hai, vun bồi đạo tâm, tín tâm của mình đối với Tam Bảo.

Ba, công đức vô lượng.

Những đề mục như đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng... có thể cho mình đắc thiền; còn nếu không đắc thì hành giả chỉ được định tâm. Còn với sáu đề mục thường niệm Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên này thì cho mình ba điều trên. Sáu thường niệm này cho công đức trùng điệp. Càng niệm thì đạo tâm ngút ngàn.

Tôi không chê đề mục nào vì cái nào cũng Phật dạy, nhưng mình niệm mấy đề mục xanh, vàng, đỏ, trắng kia thì cho mình định tâm, dẫn đến thiền định, thần thông, nhưng không được ba lợi ích nêu trên; đối với Tam Bảo thì trượt quá. Sáu pháp thường niệm này, đặc biệt là Phật, Pháp, Tăng, thì gieo duyên cho đời đời kiếp kiếp vừa sanh ra gặp Phật Pháp là khăng khít luôn.

Nhiều người lớn lên trong xã hội Âu Mỹ, tôn giáo Cơ Đốc, tâm thức Thiên Chúa, nhưng khi bước vào thư viện đại học thấy quyển kinh Phật là họ rời không nổi, giống như về lại mái nhà xưa. Họ cố gắng học xong, đi làm rồi thành Phật tử, xuất gia. Có nhiều người bỏ hết bay thẳng sang Tích Lan để xuất gia. Vì họ đã lang thang lưu lạc không nhà bao nhiêu năm, bây giờ họ tìm thấy ngôi nhà Phật Pháp thì không thể nào không về.

Khi đọc về cuộc đời các vị danh tăng Tây phương mình thương lắm. Các vị có căn lành, có hạt giống lành Phật Pháp nơi tâm nhiều đời nên hôm nay nghe thấy chữ Phật,

thấy giáo lý Phật là họ bị cuốn hút, nên bỏ hết chạy về với đạo.

Ở đây Đức Thế Tôn dạy ngài Mahanama sáu pháp tùy niệm này tuy không dẫn đến thiền định, thần thông, nhưng cho hành giả ba lợi ích nêu trên. Người có khả năng tập trung tư tưởng thì đời đời sinh ra có khả năng đắc thiền dễ như nháy mắt. Nên sáu đề mục thường niệm này rất đáng để mình lưu tâm.

Chính kim khẩu Thế Tôn đã dạy niệm ân đức Phật là quan trọng. Trong Tăng Chi Bộ Kinh, phần Một Pháp, Ngài nói: Nay các Tỳ-kheo, có một pháp mà khi tu tập tới nơi tới chốn sẽ mang lại lợi ích lớn, quả báo lớn, đó chính là pháp môn niệm ân đức Phật.

Ngài dạy rằng: khi các người có lòng thương mến ai đó, là cha mẹ, vợ chồng, con cái, thân quyến, bạn bè, chòm xóm, đồng hương, đồng nghiệp... thì hãy an trú họ vào niềm tin nơi Tam Bảo.

Vì đó là cách thể hiện tình cảm xứng đáng nhất, ý nghĩa nhất, không có quà tặng nào hơn được. Trong mấy mươi năm xa xứ, thành tựu lớn nhất, điều làm tôi tâm đắc nhất là sự củng cố đạo tâm nơi Đức Phật. Chứ nếu mà dậm chân tại chỗ thì chưa thấy rõ. Đoàn này tôi đi xa xứ, có điều kiện tiếp xúc học hỏi nhiều thì tôi thấy lời dạy của Thế Tôn cực kỳ cần thiết, chúng ta không nên đánh mất cơ hội rồi lìa xa Phật Pháp.

Nên sáu pháp thường niệm này rất là quan trọng. Thành tựu lớn nhất đời người là có niềm tin nơi Phật Pháp.

Tại sao thương Phật, quý Phật lại là công đức lớn?

Là vì khi nghiên cứu Phật Pháp, bà con sẽ không thấy trong đó có chỗ nào Phật dạy hãy thương quý riêng Ngài, mà Ngài chỉ dạy Chánh Pháp. Còn Ngài nói nên niệm ân đức Phật là niệm đức lành, chân thiện mỹ, chứ không phải niệm cá nhân Ngài. Ngài muốn mình niệm ân đức chư Phật ba đời mười phương.

Mười hồng danh Phật ấy, không riêng gì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà tất cả chư Phật ba đời mười phương đều có đủ các đức lành ấy. Những đức lành của Pháp

Bảo, Tăng Bảo cũng vậy, của chư Phật ba đời mười phương đều như vậy. Tam Bảo xuất hiện nơi thế gian lúc nào cũng là vậy.

Khi đến với Phật Pháp chúng ta sẽ có cơ hội hiểu nhiều về cái thiện hơn. Một người học hiểu Phật Pháp đúng mức thì cái nhìn của họ rất thông thoáng. Khả năng cảm thông của họ không bờ bến.

Những tín đồ các tôn giáo khác hay là người của một chủ nghĩa, học thuyết chính trị nào đó thì tư duy của mình dễ đóng khung trong cái khung mà mình được tiếp nhận; còn ai học đạo, học Phật Pháp mà đóng khung như vậy là chưa có tới nơi.

Trong Tạng Luật ghi rõ: chính Đức Thế Tôn khi ban hành giới luật cho chư Tăng thì dựa vào nhiều điều kiện:

Một, đó là chuyện cần phải làm hoặc tránh để hỗ trợ cho con đường tu hành giải thoát.

Hai, đó là chuyện cần phải làm hoặc tránh dựa vào quan điểm, nhận thức của xã hội. Không làm thì đời sẽ chê trách, không nên. Người tu không chạy theo thị phi nhưng cũng cần lắng nghe, không thể chà đạp, đứng trên dư luận, bất chấp dư luận thì không được. Mình là người tu, không phải trâu mà chúng chửi không nghe.

Ba, có khi Ngài đối chiếu, so sánh với các tôn giáo khác.

Ví dụ vấn đề nhập hạ, có nhiều lý do:

Một, cần thiết cho con đường tu hành. Mùa mưa, chư Tăng cần một chỗ an cư để hoàn thành đạo nghiệp.

Hai, quan điểm xã hội, dư luận. Mùa mưa đi đứng lầy lội, khó khăn, lạnh lẽo, gió mưa, côn trùng, nên ở yên một chỗ.

Ba, đối chiếu với các truyền thống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo bên cạnh để không bị lập dị. Các tôn giáo khác hằng năm cũng có mùa cấm túc, ở yên để tĩnh tâm,

dưỡng tâm.

Phật Pháp thông thoáng như vậy. Và khi Đức Thế Tôn nói về những bậc hiền trí trong đời, dù họ không phải là Phật tử, Ngài nói bằng cách rất nhẹ nhàng, đẹp, những lời có cánh. Đạo Phật tốt, chân chính là phải như vậy. Người Phật tử chân chính thì khả năng cảm thông, chia sẻ lớn vô cùng.

Họ có thể đọc Khổng, Lão, Trang Tử một cách thanh thản. Cái gì là châu ngọc, cát sỏi hay gỗ đá thì họ thấy đúng là như vậy. Đây là lý do chúng ta may mắn vô cùng được hiểu, tin theo Phật. Vì Phật dạy rằng thế giới này là thế giới cần được nhận thức, con chỉ được giải thoát khi con hiểu được thế giới.

Khổ Đế cần được hiểu, Tập Đế cần được trừ, Diệt Đế cần được chứng, Đạo Đế cần được tu. Toàn bộ thế giới này là Khổ Đế cần được nhận thức, hiểu biết. Mà nếu bây giờ đóng khung thì giống như lấy hai miếng da che hai bên mắt con ngựa, chỉ nhìn một hướng, chỉ biết đi bên lề phải hoặc lề trái mà thôi, đi ngược dòng chảy của vũ trụ.

Trời đất có bao nhiêu thứ để nhìn, nghe, nhận thức, cảm nhận mà lại tự nhốt tù cái đầu của mình. Tự nó đã vô minh rồi, nay lại thêm bao nhiêu rào cản của triết học, tôn giáo, chính trị, xã hội... thì có phải ngu lắm hay không?